

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

(Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Công ty cổ phần Thủy điện Quế Phong - xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP thủy điện Quế Phong;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty CP thủy điện Quế Phong năm 2019 số: 01/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019;

QUYẾT NGHỊ

ĐIỀU I: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong thông nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

1.1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Tổng cộng
1	Sản lượng	kWh			
	Sản lượng KH 2018	kWh	65,000,000	10,000,000	75,000,000
	Sản lượng TH 2018	kWh	78,257,350	11,153,820	89,411,170
	Tỷ lệ	%	120,40%	111,54%	119,21%
2	Doanh thu	Tỷ đồng			
	Doanh thu KH 2018	Tỷ đồng	80,462	11,695	92,337
	Doanh thu TH 2018	Tỷ đồng	91,167	12,435	103,603
	Tỷ lệ	%	113,05%	106,33%	112,20%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			
	Kế hoạch	Tỷ đồng			45,275
	Thực hiện	Tỷ đồng	51,022	3,174	54,196
	Tỷ lệ	%			119,71%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			
	Kế hoạch	Tỷ đồng			42,558
	Thực hiện	Tỷ đồng	47,599	2,997	50,596
	Tỷ lệ	%			118,89%

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Tổng cộng
1	Sản lượng	kWh	65.000.000	10.000.000	75.000.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	88.861	12.988	101.849
	Tiền bán điện		80.462	11.695	92.157
	Tiền thuế TN cộng vào giá bán		6.059	932	6.992
	Tiền phí dịch vụ MTR cộng vào giá bán		2.340	360	2.700
3	Doanh thu hoạt động tài chính				5.000
4	Doanh thu khác				3.000
3	Chi phí		15.508	3.890	62.462
	Chi phí tiền lương				6.000
	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên		2.666	1.299	3.965
	Chi phí thuế TN		6.059	932	6.992
	Phí dịch vụ MTR		2.340	360	2.700
	Chi phí quản lý		4.443	1.299	5.742
	Chi phí sửa chữa lớn				
	Chi phí khấu hao TSCĐ				31.564
	Chi phí lãi vay				5.500
	Chi phí khác				3.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			44.387
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			42.167
6	Trả cổ tức năm 2019	%/VĐL			20

D. 2900
CỘNG
HỢP
THỦY
QUỐC
PHONG

- Báo cáo của Hội đồng quản trị.** (Chi tiết có báo cáo số: 06 /QPH-HĐQT-BC ngày 26 /4 /2019 của HĐQT kèm theo)
- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018 và Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019.** (Chi tiết có báo cáo số: 01BC/BKS-TĐQP ngày 28/6/2018 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong kèm theo)
- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.**

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính riêng
Tổng tài sản	391.410.430.083	369.255.228.335
Tài sản ngắn hạn	123.686.287.394	120.702.895.982
Tài sản dài hạn	267.724.142.689	248.552.332.353
Nợ phải trả	117.648.370.383	104.914.045.145
Nguồn vốn chủ sở hữu	273.762.059.700	264.341.183.190
Doanh thu thuần	115.598.844.787	102.731.691.274

Doanh thu khác	5.745.636.787	5.730.938.223
Doanh thu hoạt động tài chính	4.670.934.082	4.669.600.660
Lợi nhuận trước thuế	54.195.496.714	51.022.081.766
Lợi nhuận sau thuế	50.595.640.028	47.599.468.818

(Chi tiết có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế kèm theo)

5. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2018 và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp trong năm 2019 để chi trả cho cổ đông:

STT	Nội dung	Tiêu chí	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2018		66.495.342.054
	Lợi nhuận sau thuế năm 2018		50.595.640.028
	Lợi nhuận các năm trước để lại		15.899.702.026
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối		66.495.342.054
1	Cổ tức bằng tiền mặt	20% x VDL	37.166.200.000
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3% x II	1.994.860.262
4	Lợi nhuận để lại		27.334.281.792

6. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

6.1 Thực hiện năm 2018:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	KH thù lao	TH thù lao	KH tiền lương	TH tiền lương	Chênh lệch
1	Chủ tịch HĐQT	1			420	420	0
2	Thành viên HĐQT	5	144	144			0
3	Trưởng BKS	1	48	48			0
4	Thành viên BKS	2	72	72			0
5	Thư ký HĐQT	1	36	36			
	Cộng	10	300	300	420	420	0

- Dự toán tổng mức lương và thù lao HĐQT, BKS theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty: 720.000.000 đồng

- Tổng chi trả tiền lương, thù lao HĐQT và BKS của Công ty trong năm 2018 là: 720.000.000 đồng.

6.2. Kế hoạch năm 2019:

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) của Công ty $\geq 100\%$ kế hoạch năm, dự toán tổng mức Lương, thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, thù lao Ban kiểm soát tối đa như sau:

TT	Chức danh	Thù lao (đ/ người/tháng)	Tiền lương (đ/tháng)	Số tiền (đ/năm)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT		35.000.000	420.000.000	C.trách
2	Thành viên HĐQT (03 người)	4.000.000		144.000.000	
3	Trưởng BKS (01 người)	4.000.000		48.000.000	
4	Thành viên BKS (02 người)	3.000.000		72.000.000	
5	Thư ký HĐQT	3.000.000		36.000.000	
	Cộng			720.000.000	

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) của Công ty <100% kế hoạch năm: Lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Lương thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành Công ty, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tương ứng với hạng doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 23/TTLT -BLĐTBXH-BTC ngày 31/08/2005.

7. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BC tài chính năm 2019:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chủ động lựa chọn một trong những đơn vị kiểm toán độc lập được ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các tổ chức niêm yết để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

ĐIỀU II: Giao Hội đồng quản trị Công ty tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông Công ty kỳ tới.

ĐIỀU III: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 6 năm 2018. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ căn cứ Quyết nghị thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban TGD (đề t/h);
- BKS Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu VT; VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT



Thái Phong Nhã